

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỆ THỦY

Số: 44 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lệ Thủy, ngày 10 tháng 02 năm 2017

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất để thực hiện GPMB phân lô đấu giá  
quyền sử dụng đất ở tại xã An Thủy, huyện Lệ Thủy

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 3919/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của huyện Lệ Thủy;

Căn cứ Kế hoạch số 1652/KH-UBND ngày 16/8/2016 của UBND huyện Lệ Thủy về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để GPMB phân lô đấu giá quyền sử dụng đất ở tại xã An Thủy;

Căn cứ Thông báo số 1653/TB-UBND ngày 16/8/2016 của UBND huyện Lệ Thủy về việc thu hồi đất để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng phân lô đấu giá quyền sử dụng đất ở tại xã An Thủy;

Xét Tờ trình số 250/TTr-UBND ngày 20/12/2016 của UBND xã An Thủy về việc đề nghị thu hồi đất phục vụ việc GPMB để phân lô đấu giá QSD đất ở tại xã An Thủy, huyện Lệ Thủy;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thu hồi: 8.213,3 m<sup>2</sup> (Tám nghìn, hai trăm mười ba phẩy ba mét vuông) đất của các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức tại xã An Thủy để thực hiện GPMB phân lô đấu giá quyền sử dụng đất ở tại xã An Thủy, huyện Lệ Thủy, cụ thể như sau:

Tổng diện tích đất thu hồi: 8.213,3 m<sup>2</sup>.

Trong đó:

- Tổng diện tích đất hộ gia đình, cá nhân sử dụng thuộc phạm vi quy hoạch là: 4.041,1 m<sup>2</sup> gồm 480,7 m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản (NTS) và 3.560,4 m<sup>2</sup> đất trồng lúa (LUC);

- Tổng diện tích đất hộ gia đình, cá nhân sử dụng ngoài phạm vi quy hoạch bị ảnh hưởng là: 955,0 m<sup>2</sup> gồm 132,2 m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản (NTS) và 822,8 m<sup>2</sup> đất trồng lúa (LUC);

- Tổng diện tích đất tổ chức sử dụng thuộc phạm vi quy hoạch là: 2.313,1 m<sup>2</sup> gồm 127,7 m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác (BHK) và 2.185,4 m<sup>2</sup> đất trồng lúa (LUC);

- Tổng diện tích đất tổ chức sử dụng ngoài phạm vi quy hoạch bị ảnh hưởng là: 845,2 m<sup>2</sup> gồm 184,5 m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác (BHK) và 660,7 m<sup>2</sup> đất trồng lúa (LUC);

- Tổng diện tích đất tổ chức quản lý là: 58,9 m<sup>2</sup> đất giao thông (DGT)

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo hồ sơ trích đo, chỉnh lý địa chính tỷ lệ 1:1000 do Công ty TNHH Đo đạc bản đồ và xây dựng Phạm Gia lập ngày 14/6/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 01/7/2016 kèm theo Quyết định này.

Lý do thu hồi đất: Để thực hiện GPMB phân lô đấu giá quyền sử dụng đất ở tại xã An Thủy, huyện Lệ Thủy.

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, phòng Tài nguyên & Môi trường, UBND xã An Thủy có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. UBND xã An Thủy:

- Lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

- Có trách nhiệm giao Quyết định này cho các hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1, trường hợp các hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 không nhận hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết Quyết định này tại trụ sở UBND xã và tại nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư.

- Thu hồi giấy chứng nhận QSD đất (nếu có) của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng để nộp chỉnh lý theo quy định.

- Phối hợp với Phòng Tài nguyên & Môi trường giải quyết các vướng mắc, khiếu nại có liên quan (nếu có) tạo điều kiện thuận lợi để công trình sớm hoàn thành.

2. Phòng Tài nguyên & Môi trường:

- Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất chính lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân nêu trên theo quy định.

- Phối hợp với UBND xã An Thủy giải quyết các vướng mắc, khiếu nại (nếu có).

3. Văn phòng HĐND&UBND huyện chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của UBND huyện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND xã An Thủy và các hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TN-MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Êc Văn Sơn

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: 421 /QĐ-UBND ngày 10/2/2017 của UBND huyện Lệ Thủy)

TT	Tên người sử dụng, quản lý	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Hiện trạng sử dụng đất		Giấy tờ pháp lý về QSD đất		Ghi chú		
				Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	DT trong phạm vi QH (m <sup>2</sup> )	DT ngoài phạm vi QH CSD đề nghị thu hồi (m <sup>2</sup> )	Loại đất theo QH
I	Hộ gia đình, cá nhân			13699,9				4041,1	955,0	
1	Võ Văn Tấn	20	56(1)	480,7	NTS			480,7		ONT
			56(2)	132,2	NTS				132,2	
			56(3)	309,5	NTS					
2	Trần Văn Tường	20	57(1)	50,9	LUC			50,9		ONT
			57(2)	30,5	LUC				30,5	
3	Trần Ngọc Thông	20	58(1)	221,8	LUC			221,8		ONT
			58(2)	65,1	LUC				65,1	
4	Hoàng Văn Thịnh	20	59(1)	185,6	LUC			185,6		ONT
			59(2)	7,3	LUC				7,3	
5	Hoàng Ý	20	83(1)	0,8	LUC			0,8		ONT
			83(2)	956,2	LUC					
6	Võ Văn Tấn	20	480(1)	72,2	LUC			72,2		ONT
			480(2)	8,8	LUC				8,8	
			480(3)	222,9	LUC					
7	Trần Văn Hưng	20	82(1)	176,9	LUC			176,9		ONT
			82(2)	22,5	LUC				22,5	
			82(3)	484,7	LUC					
8	Trần Văn Đạo	20	81(1)	84,9	LUC			84,9		ONT
			81(2)	10,6	LUC				10,6	
			81(3)	250,7	LUC					
9	Trần Quốc Tuấn	20	80(1)	96,7	LUC			96,7		ONT
			80(2)	12,7	LUC				12,7	
			80(3)	236,5	LUC					
10	Nguyễn Văn Trận	20	79(1)	111,2	LUC			111,2		ONT
			79(2)	14,4	LUC				14,4	
			79(3)	298,3	LUC					
11	Hoàng Thị Gái	20	107(1)	149,2	LUC			149,2		ONT
			107(2)	19,3	LUC				19,3	
			107(3)	433,1	LUC					
12	Hoàng Văn Sinh	20	108(1)	235,4	LUC			235,4		ONT
			108(2)	31,0	LUC				31,0	
			108(3)	672,2	LUC					
13	Phạm Bá Búa	20	109(1)	159,2	LUC			159,2		ONT
			109(2)	21,5	LUC				21,5	
			109(3)	412,3	LUC					
14	Hoàng Đại Thánh	20	110(1)	177,4	LUC			177,4		ONT
			110(2)	24,0	LUC				24,0	
			110(3)	490,7	LUC					
15	Võ Khắc Xương	20	116(1)	143,1	LUC			143,1		ONT
			116(2)	20,1	LUC				20,1	
			116(3)	397,6	LUC					
16	Võ Khắc Dương	20	115(1)	86,1	LUC			86,1		ONT
			115(2)	12,2	LUC				12,2	

17	Võ Khắc Sô	20	115(3)	236,9	LUC					
			114(1)	29,6	LUC		29,6		ONT	
			114(2)	4,2	LUC			4,2		
18	Lê Xuân Diệc	20	114(3)	81,4	LUC					
			113(1)	96,7	LUC		96,7		ONT	
			113(2)	13,9	LUC			13,9		
19	Võ Thị Nghiêu	20	113(3)	245,9	LUC					
			112(1)	98,8	LUC		98,8		ONT	
			112(2)	14,1	LUC			14,1		
20	Lê Thị Doái	20	112(3)	243,5	LUC					
			111(1)	98,6	LUC		98,6		ONT	
			111(2)	13,6	LUC			13,6		
21	Phạm Văn Nhỏ	20	111(3)	265,6	LUC					
			140(1)	98,2	LUC		98,2		ONT	
			140(2)	13,4	LUC			13,4		
22	Bùi Thị Út	20	140(3)	268,9	LUC					
			482(1)	133,1	LUC		133,1		ONT	
			482(2)	894,4	LUC					
23	Võ Miên	15	94(1)	641,6	LUC		641,6		ONT	
			94(2)	159,3	LUC			159,3		
			94(3)	240,6	LUC			240,6		
24	Phan Thị Tuyết	15	94(4)	359,9	LUC					
			108(1)	249,8	LUC		249,8		ONT	
			108(2)	37,6	LUC			37,6		
25	Nguyễn Thanh Tuấn	15	108(3)	579,7	LUC					
			109(1)	162,6	LUC		162,6		ONT	
			109(2)	26,1	LUC			26,1		
<b>II</b>	<b>Tổ chức sử dụng đất</b>			<b>12399,9</b>		<b>2313,1</b>	<b>845,2</b>			
1	UBND xã An Thủy	20	109(3)	362,9	LUC					
			481(1)	225,8	LUC		225,8		ONT	
			481(2)	49,8	LUC			49,8		
2	UBND xã An Thủy	42	69(1)	1347,5	LUC		1347,5		ONT	
			69(2)	567,2	LUC			567,2		
			69(3)	4655,2	LUC					
			70(1)	127,7	BHK		127,7		ONT	
			70(2)	184,5	BHK			184,5		
			70(3)	1075,4	BHK					
III	Tổ chức quản lý đất	20	88(1)	612,1	LUC		612,1		ONT	
			88(2)	43,7	LUC			43,7		
			88(3)	3511,0	LUC					
1	UBND xã An Thủy	20		<b>58,9</b>			<b>58,9</b>	<b>0,0</b>		
			506(1)	2,0	DGT		2,0		ONT	
			506(2)	56,9	DGT		56,9		ONT	
<b>Tổng</b>	<b>8213,3</b>			<b>26158,7</b>		<b>6413,1</b>	<b>1800,2</b>			

100 20